

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~4186~~ UBND-NCPC
V/v triển khai, thực hiện Thông tư
số 01/2010/TT-TTCT ngày 22/01/2010

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 3 năm 2010

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TP. ĐÀ NẴNG	
Số:.....304.....	Ngày:.....07.4.2010.....
ĐẾN	
Chuyên:.....	

Kính gửi:

- Chủ tịch UBND các quận, huyện;
- Giám đốc các sở, ngành;
- Giám đốc các Công ty nhà nước, Công ty Cổ phần có vốn góp của nhà nước.

Ngày 22 tháng 01 năm 2010, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư số 01/2010/TT-TTCT sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư số 2442/TT-TTCT ngày 13 tháng 11 năm 2007 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập; để kịp thời cập nhật những thay đổi về nội dung và đảm bảo cho việc triển khai thực hiện thống nhất trên toàn thành phố, UBND thành phố hướng dẫn như sau:

1. Về đối tượng áp dụng: bao gồm danh mục đối tượng được quy định tại Điều 6 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP, Quyết định số 85/2008/QĐ-TTg ngày 03/7/2008, nay bổ sung thêm các đối tượng gồm:

- Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan và đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện; trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân không phải là hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp;

- Những người được Đảng, Nhà nước điều động, phân công và những người được tuyển dụng, bổ nhiệm theo chỉ tiêu biên chế được giao làm việc trong tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

2. Về trình tự kê khai

- Nếu kê khai lần đầu thì người kê khai phải ký, ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm kê khai vào Bản kê khai và không phải điền các thông tin tại phần chỉ tiêu tăng, giảm tài sản, thu nhập (Phần thông tin về biến động tài sản) theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP.

- Nếu kê khai bổ sung thì kê khai theo Mẫu số 01A ban hành kèm theo Thông tư số 01/2010/TT-TTCT thay cho Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 2442/TT-TTCT.

3. Về lưu giữ bản kê khai

- Nếu người kê khai không thuộc diện cấp ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì bản kê khai được lưu cùng hồ sơ cán bộ của người đó tại đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ; Người kê khai có trách nhiệm lưu giữ bản sao bản kê khai của mình.

- Nếu người kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì đơn vị phụ trách công tác tổ chức, cán bộ sao y 02 bản; nộp bản gốc cho Ban tổ chức cấp ủy cùng cấp; lưu 01 bản sao tại đơn vị mình; gửi 01 bản sao cho Ủy ban Kiểm tra cấp ủy cùng cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ (để phục vụ công tác giám sát và xác minh theo quy định).

4. Về hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và trách nhiệm báo cáo việc kê khai, xác minh, kết luận và công khai bản kết luận

a. Cấp thành phố:

- Giám đốc sở, ngành, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND, người đứng đầu các Ban của Đảng, Ủy ban Kiểm tra, Văn phòng Thành ủy, Đảng ủy khối các Dân chính Đảng, Đảng ủy khối doanh nghiệp, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Văn phòng BCĐ phòng, chống tham nhũng, các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả việc kê khai tài sản thu nhập, quản lý bản kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện quản lý của mình; theo định kỳ báo cáo kết quả về Thanh tra thành phố.

- Ban Tổ chức thành ủy quản lý bản kê khai, tổng hợp kết quả kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ thành ủy quản lý; theo định kỳ gửi số liệu tổng hợp kết quả kê khai về Thanh tra thành phố.

- Sở Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, tổng hợp kết quả kê khai, xác minh, kết luận và công khai bản kết luận đối với người kê khai đang công tác tại các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước; theo định kỳ báo cáo kết quả về Thanh tra thành phố.

- Ủy ban Kiểm tra Thành ủy tổng hợp kết quả xác minh, kết luận, công khai bản kết luận đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ tỉnh ủy quản lý; theo định kỳ gửi số liệu tổng hợp về Thanh tra thành phố.

- Thanh tra thành phố hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, tổng hợp kết quả việc kê khai, xác minh, kết luận, công khai bản kết luận trong phạm vi quản lý của thành phố.

b. Cấp quận, huyện:

- Trưởng các phòng, ban, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND, người đứng đầu các Ban của Đảng, Ủy ban Kiểm tra, Văn phòng quận, huyện ủy,

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả việc kê khai tài sản thu nhập, quản lý bản kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện quản lý của mình; theo định kỳ báo cáo kết quả về Thanh tra quận, huyện.

- Ban Tổ chức quận, huyện ủy quản lý bản kê khai, tổng hợp kết quả kê khai và đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ quận, huyện ủy quản lý; theo định kỳ gửi số liệu tổng hợp kết quả kê khai về Thanh tra quận, huyện.

- Phòng Nội vụ quận, huyện hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, tổng hợp kết quả kê khai, xác minh, kết luận và công khai bản kết luận đối với người kê khai đang công tác tại tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước ở quận, huyện; theo định kỳ báo cáo kết quả về Thanh tra quận, huyện.

- Ủy ban Kiểm tra quận, huyện ủy tổng hợp kết quả xác minh, kết luận về sự minh bạch trong việc kê khai tài sản, công khai bản kết luận đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ quận, huyện ủy quản lý; theo định kỳ gửi số liệu tổng hợp về Thanh tra quận, huyện.

- Thanh tra quận, huyện hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, tổng hợp kết quả kê khai, xác minh, kết luận, công khai bản kết luận trong phạm vi quản lý của quận, huyện.

5. Về mẫu biểu kê khai, xác minh tài sản, thu nhập và báo cáo kết quả kê khai, xác minh tài sản, thu nhập (3 mẫu biểu gửi kèm theo văn bản này)

- Mẫu kê khai tài sản, thu nhập

+ Lần đầu: Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP.

+ Bổ sung: Mẫu số 01A ban hành kèm theo Thông tư số 01/2010/TT-TTCTP;

- Mẫu thống kê, báo cáo kê khai, xác minh tài sản, thu nhập: Mẫu số 02A ban kèm theo Thông tư số 01/2010/TT-TTCTP;

6. Xử lý vi phạm các qui định về minh bạch tài sản, thu nhập

Việc xử lý hành vi chậm kê khai, chậm tổ chức việc kê khai, chậm tổng hợp, báo cáo kết quả về minh bạch tài sản, thu nhập mà không có lý do chính đáng; xử lý vi phạm về quản lý, khai thác bản kê khai, tài sản, thu nhập; xử lý kỷ luật đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực và xử lý trách nhiệm trong việc xác minh tài sản, thu nhập; thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật thực hiện theo Thông tư số 01/2010/TT-TTCTP ngày 22/01/2010; Điều 14, 33, 34, 35 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007. Sau khi cơ quan, tổ chức đơn vị xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên vi phạm các qui định về minh bạch tài sản, thu nhập thì phải báo cáo cho cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra cấp thẩm quyền để xem xét, xử lý kỷ luật đảng theo qui định của Đảng.

7. Kỳ báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

Kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm; thời hạn gửi báo cáo cho Thanh tra thành phố hạn cuối là ngày 31 tháng 01 của năm sau để Thanh tra thành phố tổng hợp chung và báo cáo Thanh tra Chính phủ.

Đề nghị Ban Tổ chức thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-TTCP có văn bản hướng dẫn cho các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Thành ủy quản lý tổ chức triển khai thực hiện;

Giao Sở Nội vụ, Thanh tra thành phố chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, tổng hợp kết quả kê khai, xác minh, kết luận và công khai bản kết luận theo quy định tại tiết c, đ điểm 2, khoản 5, điều 1 (trang 7) của Thông tư số 01/2010/TT-TTCP ngày 22/01/2010).

Nhận được văn bản này yêu cầu các đơn vị tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tổ chức thành ủy;
- Thanh tra thành phố;
- VP Ban chỉ đạo PCTN TP;
- Lưu: VT, NC-PC.

Tuyen
70

CHỦ TỊCH

 Trần Văn Minh

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
(Ban hành kèm theo Nghị định số 37/2007/NĐ-CP
ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ)

1. Người kê khai tài sản, thu nhập:

- Họ và tên:.....
- Chức vụ/vị trí công tác:.....
- Cơ quan/đơn vị công tác:.....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Chỗ ở hiện tại:.....

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập:

- Họ và tên:.....
- Chức vụ/vị trí công tác:.....
- Cơ quan/đơn vị công tác hoặc nơi làm việc:.....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Chỗ ở hiện tại:.....

3. Con chưa thành niên của người kê khai tài sản, thu nhập:

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:.....
- Tuổi:.....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Chỗ ở hiện tại:.....

3.2. Con thứ hai:

TT	Loại tài sản	Thông tin mô tả về tài sản	Thông tin về biến động tài sản	
			Biến động giảm	Biến động tăng
I	Tài sản, thu nhập của bản thân (bao gồm tài sản riêng, thu nhập của bản thân và tài sản, thu nhập chung với vợ/chồng)			
1	Nhà, công trình xây dựng khác	<p>1.1. Nhà/công trình xây dựng thứ nhất :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: - Diện tích đất, diện tích đất xây dựng, diện tích sử dụng: - Số tầng (tầng): - Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng: + Số: + Cơ quan cấp: + Ngày cấp: <p>(Nếu chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu thì bỏ trống phần này và ghi rõ bên dưới là chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu.</p> <p>Nếu Giấy chứng nhận quyền sở hữu đứng tên người khác thì vẫn điền đầy đủ thông tin vào phần này, ghi rõ là Giấy chứng nhận quyền sở hữu đứng tên người khác và bổ sung các thông tin về người đứng tên Giấy chứng nhận quyền sở hữu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Họ và tên: + CMND: số, nơi cấp, ngày cấp. + Hộ khẩu thường trú:) <p>1.2. Nhà/công trình xây dựng thứ 2:)</p> <p>.....</p>	<p>(- Đối với biến động giảm đi về số lượng, khối lượng tài sản, cần ghi rõ tài sản nào bị giảm đi, số lượng bao nhiêu.</p> <p>- Đối với biến động giảm đi về giá trị tài sản cần ghi rõ loại tài sản bị giảm đi, giá trị của phần bị giảm đi).</p>	<p>(- Đối với biến động tăng về số lượng, khối lượng tài sản, cần ghi rõ thông tin về tài sản tăng lên như tại phần Thông tin mô tả về tài sản.</p> <p>- Đối với biến động tăng lên về giá trị tài sản, cần ghi rõ loại tài sản tăng lên, giá trị của phần tăng lên).</p>

	<p>- Mô tả:</p> <p>3.1.2. Động sản thứ hai:</p> <p>...</p> <p>3.2. Bất động sản</p> <p>3.2.1. Bất động sản thứ nhất</p> <p>- Nước có bất động sản:</p> <p>- Loại bất động sản:</p> <p>- Hình thức chuyển quyền sở hữu (<i>mua, trao đổi tài sản, thanh toán nghĩa vụ tài chính, thừa kế, tặng, cho...</i>):</p> <p>- Thời điểm nhận quyền sở hữu:</p> <p>- Giá trị bất động tài sản tại thời điểm nhận quyền sở hữu (<i>nếu là bất động sản có được thông qua hình thức mua, trao đổi tài sản, thanh toán nghĩa vụ tài chính</i>):</p> <p>3.2.2. Bất động sản 2</p> <p>...</p>		
4	<p>Tài khoản ở nước ngoài</p> <p>4.1. Tài khoản thứ nhất:</p> <p>- Ngân hàng mở tài khoản:</p> <p>- Số tài khoản:</p> <p>- Số dư tài khoản vào thời điểm kê khai:</p> <p>4.2. Tài khoản thứ 2:</p> <p>...</p>		
5	<p>Thu nhập từ mức thu nhập chịu thuế trở lên</p> <p>Tổng thu nhập trong kỳ kê khai tài sản (<i>nếu từ mức chịu thuế thu nhập cá nhân trở lên</i>):</p>		

6	Mô tô, ô tô, tàu, thuyền có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	<p>6.1. Mô tô (nếu tổng giá trị số mô tô từ 50 triệu đồng trở lên):</p> <p>6.1.1. Mô tô thứ nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chung loại, nhãn hiệu: - Biên số đăng ký: - Người đứng tên đăng ký (trong trường hợp người đứng tên khác với người kê khai tài sản): + Họ và tên: + CMND: số, nơi cấp, ngày cấp. + Hộ khẩu thường trú: - Cơ quan cấp đăng ký: - Ngày cấp đăng ký: - Hình thức chuyển quyền sở hữu (mua, trao đổi tài sản, thanh toán nghĩa vụ tài chính, thừa kế, tặng, cho): - Thời điểm nhận quyền sở hữu: - Giá trị tại thời điểm nhận quyền sở hữu tài sản (nếu là tài sản có được bằng hình thức mua, trao đổi tài sản, thanh toán nghĩa vụ tài chính): - Giá trị ước tính tại thời điểm kê khai: <p>6.1.2. Mô tô thứ 2:</p> <p>6.2. Ô tô (nếu tổng giá trị số ô tô từ 50 triệu đồng trở lên) (Nội dung kê khai như mô tô).</p> <p>6.3. Tàu, thuyền (nếu tổng giá trị số tàu, thuyền từ 50 triệu đồng trở lên)</p> <p>(Nội dung kê khai như mô tô).</p>	
---	--	--	--

<p>7</p> <p>Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (tổng giá trị của kim khí quý và đá quý từ 50 triệu đồng trở lên).</p>	<p>7.1. Kim khí quý</p> <p>7.1.1. Loại kim khí quý thứ nhất</p> <p>- Chung loại:</p> <p>- Khối lượng, số lượng, chất lượng:</p> <p>- Hình thức chuyển quyền sở hữu (mua, trao đổi tài sản, thanh toán nghĩa vụ tài chính, thừa kế, tặng, cho):</p> <p>- Thời điểm nhận quyền sở hữu:</p> <p>- Giá trị tại thời điểm nhận quyền sở hữu tài sản (nếu là tài sản có được bằng hình thức mua, trao đổi tài sản, thanh toán nghĩa vụ tài chính):</p> <p>- Giá trị ước tính tại thời điểm kê khai:</p> <p>7.1.2. Loại kim khí quý thứ hai</p> <p>7.2. Đá quý:</p> <p>(Nội dung kê khai như kim khí quý)</p>		
--	---	--	--

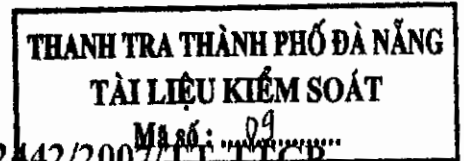
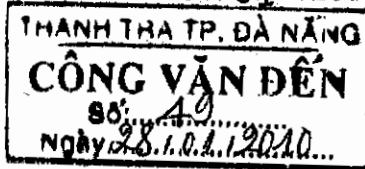
8	<p>Tiền, số tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, séc, các công cụ chuyển nhượng khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>(Tổng giá trị tiền, số tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, séc và các công cụ chuyển nhượng khác từ 50 triệu đồng trở lên)</p>	<p>8.1. Tiền:</p> <p>8.1.1. Tiền mặt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị: <p>8.1.2. Tiền gửi ngân hàng, tổ chức tín dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tài khoản: - Ngân hàng, tổ chức tín dụng gửi tiền: - Số dư tài khoản tại thời điểm kê khai: <p>8.2. Số tiết kiệm:</p> <p>8.2.1. Số thứ nhất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngân hàng, tổ chức tín dụng gửi tiết kiệm: - Giá trị tiền gửi: - Ngày gửi: <p>8.2.2. Số thứ 2:</p> <p>8.3. Cổ phiếu, trái phiếu:</p> <p>8.3.1. Cổ phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp phát hành: - Mệnh giá: - Số lượng: - Giá mua thực tế: <p>8.3.2. Trái phiếu:</p>		
---	--	--	--	--

		<i>(Nội dung kê khai như có phiếu)</i>	
9	Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.	- Loại tài sản: - Số lượng, khối lượng: - Giá trị:	
II	Tài sản, thu nhập riêng của vợ hoặc chồng		
III	Tài sản, thu nhập của con chưa thành niên		

THANH TRA CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /2010/TT-TTCP

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2010



THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13 tháng 11 năm 2007 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Minh bạch tài sản, thu nhập

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Minh bạch tài sản, thu nhập;

Căn cứ Nghị định số 65/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 85/2008/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại khoản 11 Điều 6 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Minh bạch tài sản, thu nhập;

Sau khi thống nhất với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ, Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13 tháng 11 năm 2007 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Minh bạch tài sản, thu nhập như sau:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số quy định (được thể hiện theo: Phần, Mục, Khoản, Điểm, Tiết) tại Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13 tháng 11 năm 2007 của Thanh tra Chính phủ như sau:

1. Bổ sung vào khoản 1 Mục II Phần 1 như sau:

1.1. Người có nghĩa vụ kê khai tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 37/2007/NĐ-CP là những người có chức vụ từ phó trưởng phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương trở lên, bao gồm: